

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 12 - 2021

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1996 (Có mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng Bằng, sinh năm 1988 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm 3, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị M trình bày như sau:***

Vào ngày 03/11/2015 tôi và anh Nguyễn Hoàng Bằng đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình sống

chung có con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 05/01/2013 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 04/4/2016. Hiện con đang sống với anh Bằng. Chúng tôi ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Lý do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng ý kiến, cuộc sống không hạnh phúc, hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh Bằng. Việc chúng tôi mâu thuẫn không có ai chứng kiến.

Quá trình sống chung chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Bằng
- Về con chung: tôi yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 04/4/2016, không yêu cầu cấp dưỡng, đồng ý cho anh Bằng nuôi cháu Nguyễn Trọng P.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Bằng trình bày tại biên bản lấy khai ngày 20/9/2021 và tại phiên tòa hôm nay như sau:***

Tôi thông nhất với nội dung đơn khởi kiện Chị M trình bày, sống chung có đăng ký kết hôn và có 02 đứa con chung theo Chị M trình bày là đúng, hiện 02 con đều sống với tôi. Tôi và Mai không còn sống chung từ tháng 9/2020 âm lịch cho đến nay. Lý do vợ tôi có người khác bên ngoài nên không muốn về sống với cha con tôi, tôi cũng biết cũng có kêu vợ về sống để lo cho con nhưng vợ tôi vẫn kiên quyết ly hôn. Theo yêu cầu ly hôn của Mai tôi đồng ý nếu tôi được nuôi 02 đứa con, tôi có đủ điều kiện nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay vợ tôi đi làm ở thành phố thì đem con lên đó ai nuôi trong khi tình hình dịch bệnh lên đó rất khó khăn, vợ tôi kiên quyết bỏ đi để con lại tôi nuôi từ đó đến giờ, nếu đem con lên thành phố vợ đi làm ai chăm con trong khi con tôi là con gái, môi trường thành phố đâu phải dễ sống. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: tôi không yêu cầu

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy Chị M và anh Bằng sống chung trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên sau thời gian sống chung không bao lâu anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được và đã không còn sống chung nữa, không còn quan tâm

chăm sóc lẫn nhau nay Chị M yêu cầu ly hôn với anh Bằng. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay Chị M và anh Bằng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho nên đời sống chung của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị M, cho Chị M được ly hôn với anh Bằng.

Về con chung: Quá trình chung sống Chị M và anh Bằng có 02 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 05/01/2013 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 04/4/2016 hiện đang sống với anh Bằng. Chị M yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Thị Thảo Ng, anh Bằng cũng yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân Chị M và Bằng ly thân đến nay 02 cháu theo sống với anh Bằng, 02 cháu vẫn phát triển bình thường, cuộc sống cũng đã ổn định, hiện nay do tình hình dịch bệnh đang diễn biến, Chị M đi làm công ty nếu giao con cho Chị M nuôi sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc bình thường của 02 cháu, Vì vậy, đề nghị căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình giao cháu P và Nguyên cho anh Bằng tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị M không ai được quyền ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Bằng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hoàng Bằng sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu về chung sống anh, chị sống đầm ấm hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau. Tuy nhiên, thời gian sau giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo Chị M trình bày trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến sống không hạnh phúc và không còn tình cảm với nhau nữa nên Chị M yêu cầu ly hôn với anh Bằng. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng Chị M vẫn kiên quyết ly hôn. Thấy rằng, thời gian Chị M và anh Bằng ly thân đến nay đã lâu không ai quan tâm đến ai. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc Chị M yêu cầu ly hôn với anh Bằng là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M, cho Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Bằng.

[2] Con chung: Quá trình chung sống Chị M và anh Bằng có 02 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 05/01/2013 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày

04/4/2016 hiện đang sống với anh Bằng. Chị M yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Thị Thảo Ng, anh Bằng cũng yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân Chị M và Bằng ly thân đến nay 02 cháu theo sống với anh Bằng, 02 cháu vẫn phát triển bình thường, cuộc sống cũng đã ổn định, nếu giao con cho Chị M nuôi sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc bình thường của 02 cháu. Chị M cũng xác định việc anh Bằng có điều kiện và chăm sóc con cũng tốt. Theo xác nhận của địa phương thì anh Bằng có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình giao cháu P và cháu Ng cho anh Bằng tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị M không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Bằng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M. Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Bằng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 05/01/2013 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 04/4/2016 cho anh Nguyễn Hoàng Bằng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Trần Thị M không ai có quyền ngăn cản Chị M thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng Bằng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001026 ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Chị M đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND phường A
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh